

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG NGUYỄN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày 06 - 9 - 2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG NGUYỄN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phan Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Nghĩa Toàn;

2. Ông Nguyễn Văn Phụng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 65/2022/TLST - HNGĐ, ngày 16 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị ĐTN; Sinh năm: 1992; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện YM, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

Bị đơn: Anh NAT; Sinh năm: 1989; Địa chỉ: Xóm X, xã N, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 15 tháng 6 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án *nguyên đơn chị ĐTN trình bày:*

Chị ĐTN và anh NAT kết hôn ngày 06 tháng 4 năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện M, tỉnh Ninh Bình. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do sự bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng nhau. Thấy mục đích của hôn nhân không đạt được, đòi

sống chung không thể kéo dài. Từ khi phát sinh mâu thuẫn, hai bên gia đình khuyên can, hòa giải nhưng đời sống tình cảm của vợ chồng không được cải thiện. Từ tháng 8 năm 2019 anh Thủy đã về nhà bố mẹ đẻ là ông NVHở Xóm X, xã N để sinh sống và vợ chồng ly thân kể từ đó cho đến nay không còn quan tâm nhau nữa. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị N làm đơn yêu cầu ly hôn với anh NAT để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là: NĐNH, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2012 và NTPL, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2016. Nay ly hôn chị N mong muốn được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là NTPL, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2016. Nhường quyền nuôi NĐNH, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2012 cho anh NAT. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và các khoản nợ: Chị ĐTN không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07 tháng 7 năm 2022 bị đơn anh NAT xác nhận và trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị ĐTN trình bày. Nay chị ĐTN yêu cầu ly hôn, anh T hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là NĐNH, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2012 và NTPL, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2016. Nay ly hôn anh NAT mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Không yêu cầu chị ĐTN cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và các khoản nợ: anh NAT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên Tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do các bên không hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng theo quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị ĐTN được ly hôn anh NAT. Giao con chung là NĐNH, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2012 cho anh NAT trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là NTPL, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2016 cho chị ĐTN trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nguyên đơn và bị đơn. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn anh NAT có hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại Xóm X, xã N, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản cho bị đơn là anh NAT nhưng anh T không có yêu cầu phản tố, không tham gia các buổi hòa giải do Tòa án triệu tập. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị ĐTN và anh NAT có đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 4 năm 2012 tại UBND xã H, huyện M, tỉnh Ninh Bình. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không có sự ép buộc và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8 luật Hôn nhân và gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Qua lời khai của chị Ngọc, anh T và qua kết quả xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị ĐTN và anh NAT đã đến mức trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ giữa vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh T để hòa giải nhưng anh T không hợp tác và không có mặt tại các buổi hòa giải. Điều đó chứng tỏ anh T không có thiện chí tham gia hòa giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị ĐTN như đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay.

[3]. *Về con chung*: Qua đơn của chị ĐTN, bản tự khai của anh NAT và qua kết quả xác minh tại địa phương cho thấy nguyên đơn, bị đơn có hai con chung tên là: NĐNH, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2012 và NTPL, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2016. Nay ly hôn nguyện vọng của chị N là muốn được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng NTPL, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2016, nhường quyền nuôi dưỡng NĐNH, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2012 cho anh NAT. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh NAT có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị ĐTN cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng nuôi con của nguyên đơn, bị đơn là chính đáng nhưng cháu NĐNH sau khi học xong mần non tại Ninh Bình thì cháu về và hiện tại đang sinh sống cùng bố tại Xóm X, xã N, huyện Hưng Nguyên. Cháu NTPL từ khi sinh ra đến nay vẫn sống cùng mẹ tại Thôn T, xã H, huyện M, tỉnh Ninh Bình. Cả hai cháu đều được đảm bảo các điều kiện về sinh sống và học tập. Mặt khác cháu NĐNH có đơn xin trình bày nguyện vọng muốn được ở với bố là NAT và đề giảm áp lực về kinh tế cho cả nguyên đơn và bị đơn nên giao con chung là NĐNH cho anh Thủy được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là NTPL cho chị ĐTN được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với ý chí của các bên đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Tòa miễn xét.

[4]. *Tài sản và các khoản nợ*: Chị ĐTN và anh NAT không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc nguyên đơn chị ĐTN phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị ĐTN được ly hôn anh NAT.

Về con chung: Giao con chung tên là NĐNH, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2012 cho anh NAT trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi. Giao con chung tên là NTPL, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2016 cho chị ĐTN trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị ĐTN và anh NAT.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của các con thì các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Buộc chị ĐTN phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Thi hành án Dân sự huyện Hưng Nguyên theo biên lai thu tiền số 0003964 ngày 16 tháng 6 năm 2022.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Hưng Nguyên;
- THA DS huyện Hưng Nguyên
- Đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phan Hương